

Số: 90/BC-MNXNL

Noong Luống, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non xã Noong Luống
- Địa chỉ: Bản Huổi Phúc, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Địa chỉ thư điện tử: mnxnl.hdb@dienbien.edu.vn
Công hoặc trang thông tin điện tử: <https://mnnoongluong.huyendienbien.edu.vn/>
- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập
Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND huyện Điện Biên
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

* **Sứ mệnh:** Xây dựng trường mầm non hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm, hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và sự phát triển của xã hội. Tạo nhiều cơ hội cho trẻ khám phá thế giới xung quanh để tiếp thu kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tế tạo nên một thế hệ trẻ thể lực khỏe mạnh, trí tuệ thông minh, nhân cách hoàn thiện. Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, tích cực đổi mới sáng tạo không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện. Chủ động gắn kết và phát huy vai trò của cha mẹ và người nuôi dưỡng trẻ tích cực hỗ trợ phối kết hợp với nhà trường phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

* **Tầm nhìn:** Trường mầm non xã Noong Luống phấn đấu xây dựng trở thành một ngôi trường hạnh phúc cho tất cả cán bộ GVNV và học sinh, nơi tất cả mọi thành viên đều cảm nhận được niềm vui, sự bình an để từ đó phát huy cao nhất khả năng của mỗi người, nơi tình yêu thương được chia sẻ để thắp sáng mơ ước của mỗi học sinh ươm mầm những nhân cách tốt, nơi các giáo viên được yêu thương để đồng hành cùng nhau phát triển nhà trường, trao yêu thương đến học sinh và khẳng định giá trị của bản thân, trở thành những nhà giáo tâm huyết và sáng tạo. Trường trở thành trường đạt chuẩn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo hướng đổi mới hội nhập. Học sinh trường mầm non xã Noong Luống là những bạn nhỏ hạnh phúc, biết yêu thương và lan tỏa tình yêu thương với thông điệp “Trẻ hạnh phúc – cô hạnh phúc – ngôi trường hạnh phúc – phát

triển bền vững” từ đó định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai với khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, phát triển một cách toàn diện về tình cảm, thể chất trí tuệ, thẩm mỹ, mối quan hệ xã hội và khả năng giao tiếp tiếng Việt thành thạo là nền tảng cho trẻ bước vào trường tiểu học.

*** Mục tiêu giáo dục mầm non**

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học suốt đời.

Xây dựng trường học hạnh phúc, uy tín, chất lượng. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên. Ổn định về chất lượng: Môi trường học tập tốt nhất cho trẻ; Đáp ứng sự mong đợi của Quý phụ huynh học sinh; Thỏa mãn sự phát triển tự nhiên của trẻ; Tạo dựng tính tự lập cho trẻ; Định hướng cho trẻ có thói quen tốt trong nếp sống và sinh hoạt; Liên tục nâng cao kết quả nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ bền vững.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường mầm non xã Noong Luống được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 17 tháng 8 năm 2000. Nhà trường được xây dựng tại bản Huồi Phúc - xã Noong Luống - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có tổng diện tích 5761,8m², gồm 1 điểm trường trung tâm và 2 điểm trường lẻ ở cách điểm trường chính từ 2 km đến 5 km. Điểm trường trung tâm có 08 phòng học và các phòng chức năng như phòng hiệu bộ, phòng giáo dục nghệ thuật. Trường có 01 bếp ăn ở trung tâm. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Noong Luống, phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành đoàn thể nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường bao và hàng rào thép B40, có sân chơi được lát gạch và láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Nhà trường có tổng số 31 CBQL - GV - NV (trong đó cán bộ quản lý 02 đồng chí). BGH đều có trình độ chuyên môn Đại học; trung cấp lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý. Trình độ vượt chuẩn (Đại học) của Giáo viên đạt tỉ lệ 100% ; Nhân viên Văn phòng, Cấp dưỡng, Bảo vệ đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; được cơ cấu gồm 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Đội ngũ CBQL, GV, NV là nhân tố quyết định chất lượng CS-GD trẻ. Chính vì vậy việc lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cho đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng là vấn đề được nhà trường hết sức chú trọng; 100% VC-NLĐ nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trên chuẩn; có năng lực chuyên môn vững vàng, nắm vững yêu cầu, nội dung và phương pháp CS-GD trẻ; Nhà trường có 23/25 giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 92%.

Nhà trường có Chi bộ độc lập được thành lập năm 2006. Hiện nay có tổng số 19 đảng viên; luôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo trong nhà trường, để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao và nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ; chú trọng công tác xây dựng Đảng trên cả các mặt về chính trị tư tưởng và tổ chức; quan tâm công tác bồi dưỡng thế hệ trẻ; công tác kết nạp đảng viên mới hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu quy định.

Trường có Công đoàn trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện gồm 31 đoàn viên; luôn phát huy tốt vai trò hoạt động trong nhà trường, thực sự là tổ ấm của tập thể CB,GV,NV; phối hợp chặt chẽ với Ban giám hiệu nhà trường trong các hoạt động; và thực hiện tốt phong trào thi đua xây dựng người cán bộ, viên chức “Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”.

Hội đồng trường và Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Với sự quyết tâm cố gắng vươn lên và lòng yêu nghề mến trẻ của tập thể VC-NLĐ nhà trường trong công tác chăm sóc- giáo dục trẻ, được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, các ban ngành, đoàn thể và sự nhiệt tình ủng hộ cao của tất cả các bậc cha mẹ học sinh. Sau nhiều năm xây dựng và trưởng thành trong điều kiện khó khăn, vất vả song đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đã phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để quyết tâm thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Để ghi nhận kết quả về sự cố gắng nỗ lực đó, trường mầm non xã Noong Luống được công nhận “Chuẩn quốc gia mức độ I” theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên. Trường Mầm non xã Noong Luống đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 3186/QĐ- SGDDT ngày 06/11/2020.

Có được niềm vinh dự đó là cả quá trình kiên trì bền bỉ phấn đấu đầy tâm huyết của Đảng ủy, chính quyền địa phương của toàn thể nhân dân xã Noong Luống, sự đầu tư, giúp đỡ của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên và đặc biệt là công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Quyết tâm giữ vững những thành tích đạt được và không ngừng phấn đấu vươn lên của tập thể CB,GV, NV nhà trường, liên tục các năm trường luôn đạt

danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

Đạt được những kết quả như ngày hôm nay, chính là nhờ sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo HĐND, UBND huyện Điện Biên, lãnh đạo Phòng GDĐT huyện Điện Biên, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Noong Luống cùng với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể viên chức và người lao động nhà trường. Tập thể trường mầm non xã Noong Luống, phấn đấu giữ vững những thành quả đã đạt được và quyết tâm đạt nhiều kết quả hơn nữa trong thời gian tới. Tiếp tục phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế./.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện: Nguyễn Thị Bén, chức vụ Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng, số ĐT: 0985704759, địa chỉ thư điện tử bennt.mnxml.hdb@dienbien.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non xã Noong Luống, bản Huổi Phúc - xã Noong Luống - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Số 1026/QĐ-UBND ngày 17/08/2000 của UBND huyện Điện Biên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: số 2867/QĐ-UBND ngày 22/11/2021

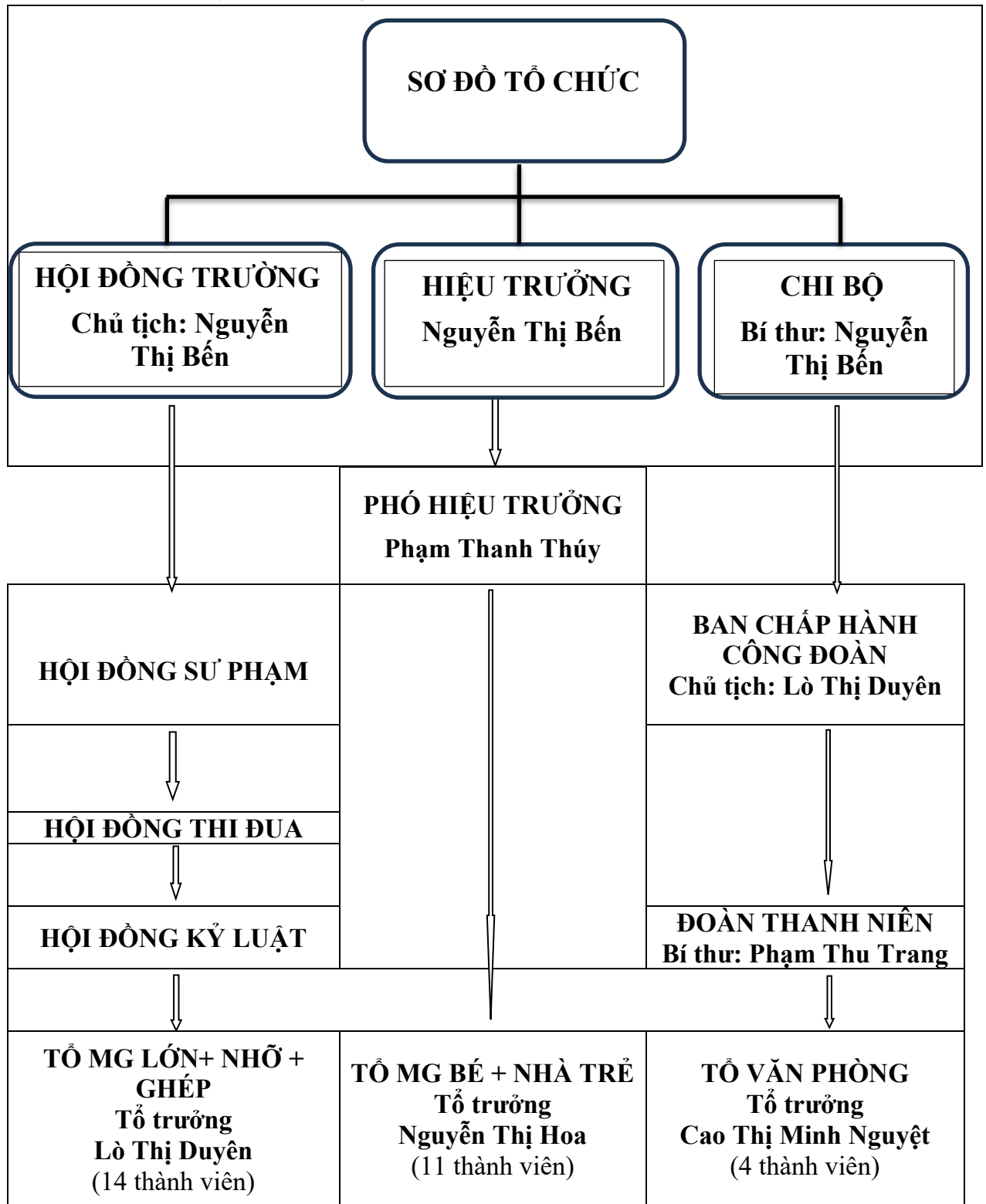
Danh sách Hội đồng trường MN xã Noong Luống

1. Nguyễn Thị Bén - Hiệu trưởng - Chủ tịch hội đồng trường
2. Bùi Văn Dũng- Phó CT UBND xã Noong Luống
3. Lò Thị Duyên - Tổ trưởng tổ CM MGL+Nhỡ+Ghép-Chủ tịch công đoàn
4. Nguyễn Đức Trường - Phó trưởng BDDCMHS trường
5. Phạm Thu Trang - Bí Thư đoàn thanh niên
6. Nguyễn Thị Hoa - Tổ trưởng tổ MGB-NT
7. Cao Thị Minh Nguyệt - Tổ trưởng tổ văn phòng
8. Vũ Thị Kim Oanh - Tổ phó tổ CM MGL+Nhỡ+Ghép
9. Quàng Thị Thủy - Phó bí Thư đoàn TNCS Hồ Chí Minh

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng: Nguyễn Thị Bén (số 609/QĐ-UBND ngày 31/03/2021), phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thúy (số 2371/QĐ-UBND ngày 01/10/2021)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; Sơ

đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường mầm non xã Noong Luống

Nguyễn Thị Bén, chức vụ Hiệu trưởng, số ĐT: 0985704759, địa chỉ thư điện tử bennt.mnxml.hdb@dienbien.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non xã Noong Luống, Bản Huồi Phúc, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục (Số 183/KH-MNNL ngày 11/9/2024); quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục (Số 157/NQ-MNNL ngày 04/09/2024); các nghị quyết của hội đồng trường (hồ sơ hội đồng trường); quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính (Số: 166a/QC-MNNL ngày 09/9/2024 Quy chế chi tiêu nội bộ từ nguồn thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục giữa nhà trường với cha mẹ học sinh năm học 2024 - 2025); chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo về “Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 đến 5 tuổi"); kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Danh mục VTVL	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua ĐT
I	VTVL lãnh đạo, quản lý	2	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	0
II	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	25	25	0	0	0
1	Giáo viên mầm non hạng I	0	0	0	0	0
2	Giáo viên mầm non hạng II	15	15	0	0	0
3	Giáo viên mầm non hạng III	10	10	0	0	0
3	Giáo viên mầm non hạng IV	0	0	0	0	0
III	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	2	1	0	1	0

1	Kế toán (Hạng III)	1	1	0	0	0
2	Nhân viên y tế hạng IV	1	0	0	1	0
IV	VTVL kiêm nhiệm	2	0	0	0	2
1	Nhân viên Bảo vệ	1	0	0	0	1
2	Nhân viên phục vụ	1	0	0	0	1
Tổng cộng		31	30	0	1	2

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Số lượng	Kết quả xếp loại Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Cán bộ quản lý	2	2	0	0	
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	
II	Giáo viên	25	0	0	0	
1	Giáo viên Nhà trẻ	7	3	4	0	
2	Giáo viên MG	18	9	8	1	
Tổng cộng		27	14	12	1	
Tỷ lệ %		100	51,9	44,4	3,7	

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Số lượng	Kết quả Hoàn thành BDTX	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
I	Cán bộ quản lý	2	2	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0
II	Giáo viên	25	25	0
1	Giáo viên Nhà trẻ	7	7	0
2	Giáo viên Mẫu giáo	18	18	0
Tổng cộng		27	27	0
Tỷ lệ %		100	100	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Stt	Nội dung	Diện tích	Yêu cầu tối thiểu
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng	5761,8m ²	5761,8m ²
	- Diện tích xây dựng các công trình	3654,63m ²	3654,63m ²
	- Riêng diện tích sân vườn	2101,17m ²	2101,17m ²
1	Điểm trường Trung tâm	2007,7m ²	2007,7m ²
2	Điểm trường A1	2554,1m ²	2554,1m ²
3	Điểm trường Noong Luống	1200m ²	1200m ²
II	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	19,3m²/trẻ	12m²/trẻ

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Stt	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu
I	Khối phòng hành chính quản trị	8	8
1	Phòng Hiệu trưởng	1	1
2	Phòng Phó hiệu trưởng	2	2
3	Văn phòng trường	1	1
4	Phòng nhân viên	2	2
5	Phòng bảo vệ	1	1
6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	1
7	Phòng vệ sinh CBGV, NV	1	1
8	Khu để xe của CBGV, NV	1	1
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em		
1	Phòng học (Khu sinh hoạt chung)	12	12
2	Phòng vệ sinh học sinh	6	6
3	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	2	2
4	Sân chơi riêng	3	3
5	Phòng ngủ	2	2

III	Khối phòng tổ chức ăn		
1	Nhà bếp	1	1
2	Nhà kho	1	1
IV	Khối phụ trợ		
1	Phòng họp	1	1
2	Phòng y tế	1	1
3	Nhà kho	1	1
4	Sân vườn	3	3
5	Cổng, hàng rào	3	3
V	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Hệ thống cấp nước sạch	Đảm bảo	Đảm bảo
2	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo	Đảm bảo
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Đảm bảo	Đảm bảo
4	Hệ thống cấp công nghệ thông tin, liên lạc	Đảm bảo	Đảm bảo
5	Khu thu gom rác thải	Đảm bảo	Đảm bảo

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Stt	Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu
1	Máy tính	5 bộ	5 bộ
2	Máy chiếu	12 bộ	12 bộ
3	Đàn	25 bộ	25 bộ
4	Ti vi	14 bộ	14 bộ
5	Loa trợ giảng	12 bộ	12 bộ
6	Loa hội trường	02 bộ	02 bộ

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Stt	Đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu
1	Đồ chơi ngoài trời	21 loại	07 loại/1 điểm trường
1	Đồ dùng, Đồ chơi tự làm	30 bộ	
2	Đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	12 bộ	01bộ/ lớp

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Trường Mầm non xã Noong Luống đã tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) chất lượng giáo dục nhà trường. Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng gồm cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Thanh tra nhân dân giáo viên cốt cán. Hội đồng TĐG của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng TĐG được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá các tiêu chuẩn. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT- BGDDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Kết quả TĐG trường Mầm non xã Noong Luống đạt mức 2.

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhằm đưa ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục các hoạt động của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

Stt	Năm công nhận KĐCLGD và đạt chuẩn QG	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành quyết định
1	Năm học 2009- 2010	Mức độ 1	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18/1/2010 của UBND tỉnh Điện Biên
2	Năm học 2015- 2016	Mức độ 1	QĐ Quyết định số 665/QĐ- UBND ngày 16/05/2016 của UBND tỉnh Điện Biên
3	Năm học 2020- 2021	Mức độ 1	Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên

Từ năm học 2021-2022 Trường luôn giữ vững trường Chuẩn quốc gia mức độ I theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên; Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 3186/QĐ- SGDĐT ngày 06/11/2020 với nhiều tiêu chí vượt mức, được nhân

dân, chính quyền địa phương đánh giá cao. Là địa điểm tin cậy để các trường trong và ngoài huyện tham quan học tập.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước: 2023-2024

Stt	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tổng số nhóm, lớp	13	1 phòng/ lớp
1.1	Nhóm trẻ	3	1 phòng/ lớp
1.2	Mẫu giáo	10	1 phòng/ lớp
1.3	Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp	25,5trẻ/lớp	
2	Tổng số trẻ em	332	
2.1	Nhà trẻ	75	
2.2	Mẫu giáo	257	
	<i>Trong đó số trẻ em học nhóm, lớp ghép</i>	17	
3	Số trẻ em học 02 buổi/ngày	332	100%
4	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	332	100%
5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	332	100%
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	89	100%
7	Số trẻ em khuyết tật học hoà nhập	01	100%

2. Hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

Stt	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tổng số nhóm, lớp	12	1 phòng/ lớp
1.1	Nhóm trẻ	3	1 phòng/ lớp
1.2	Mẫu giáo	9	1 phòng/ lớp
1.3	Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp	24,8 trẻ/lớp	
2	Tổng số trẻ em	298	
2.1	Nhà trẻ	74	
2.2	Mẫu giáo	224	
	<i>Trong đó số trẻ em học nhóm, lớp ghép</i>	46	
3	Số trẻ em học 02 buổi/ngày	298	100%
4	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	298	100%

5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	298	100%
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	88	100%
7	Số trẻ em khuyết tật học hoà nhập	02	100%

*** Chất lượng chăm sóc**

- Tổ chức ăn bán trú tại trường cho 298/298 trẻ=100%, xây dựng thực đơn theo mùa và chế độ ăn cho trẻ tại trường được bảo đảm dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phối kết hợp với trạm y tế xã khám, phát thuốc theo định kì, phòng chống bệnh dịch, tuyên truyền trẻ đủ điều kiện tiêm phòng dịch.

- Làm tốt công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi ở các lớp.

- 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ, kết quả:

+ Cân nặng: BT: 295/298 đạt 98,9%, SDD thể nhẹ cân: 3/298 còn 1%, SDD nặng: 0, thừa cân 0.

+ Chiều cao: BT: 294/298 đạt 98,6%, SDD thể thấp còi: 4/298 còn 1,4%.

+ Cân nặng theo chiều dài/ chiều cao: BT: 298/298 đạt 100%, SDD thể gầy còm: 0; SDD thể gầy còm mức độ nặng: 0; thừa cân: 0; béo phì: 0.

*** Chất lượng giáo dục năm học**

+ Bé khỏe: 298/298 cháu đạt 100%

+ Tổng số đạt bé ngoan: 298/298 cháu đạt 100%

+ Tổng số đạt bé sạch: 298/298 cháu đạt 100%

+ Tổng số đạt bé chăm: 296/298 cháu đạt 99,3%

+ Kết quả đánh giá trẻ theo mục tiêu cuối tuổi độ: số trẻ đạt từ 70% các mục tiêu trở lên: 220/224 trẻ đạt 98,2%, số trẻ đạt dưới 70% các mục tiêu: 4/224 trẻ chiếm 1,8%. Trẻ hoàn thành CT GDMN 88/88 trẻ, tỷ lệ 100%.

*** Kết quả các hội thi**

- Hội thi BKBN cấp trường kết quả: Tổng số trẻ đạt bé khỏe bé ngoan cấp trường: 256/298 trẻ, đạt 85,9% tổng số trẻ đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích: 47/256 trẻ, đạt 18,4%; tổng số trẻ được công nhận: 209/256 trẻ, tỷ lệ 81,6%

- Hội thi “Ươm mầm tài năng nhí” cấp cụm có 20 trẻ tham gia và đạt 1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải khuyến khích.

- Đạt giải ba bóng chuyền nữ cấp huyện.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
A	TỔNG THU	9.465.727.436	6.921.069.848
I	Thu ngân sách	9.358.324.436	6.801.069.848
1	Nguồn chi thường xuyên	8.630.468.536	6.323.544.848
2	Nguồn chi không thường xuyên	727.855.900	477.525.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	107.403.000	120.036.000
1	Học phí	107.403.000	120.068.000
2	Thu khác	0	0
IV	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	9.465.727.436	6.921.069.848
I	Chi lương, thu nhập	7.224.988.774	6.011.298.123
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	7.140.174.994	5.921.650.501
2	Chi lương, thu nhập cho NLĐ	84.813.780	89.788.5890
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.726.264.662	562.449.725
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu	0	0
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0
4	Chi phí chung và chi khác	1.726.264.662	562.449.725
III	Chi hỗ trợ người học	451.474.000	347.390.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	140.850.000	157.950.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác	310.624.000	189.440.000
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)	0	0

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.1. Học phí

Đối tượng	ĐVT	Mức thu	
		Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực I	Đồng/tháng	40.000	40.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực II	Đồng/tháng	30.000	30.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã	Đồng/tháng	25.000	25.000

2. 2.Các khoản thu dịch vụ phục vụ HĐCSGD khác, nguồn VĐTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm báo cáo (Năm 2023)
1	Dịch vụ ăn bán trú	Ngày/học sinh	21.000	18.000
2	Dịch vụ trông trưa	Ngày/học sinh	5.000	5.000
3	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm/học sinh	90.000	50.000
4	Dịch vụ cung cấp nước uống	Năm/học sinh	Không thu	90.000
5	Nguồn VĐTT	Năm/học sinh	Tùy tâm	Tùy tâm

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/NĐ CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	94	114
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	140.850.000	157.950.000
2	Chính sách CBMGHP theo ND 81/2021/NĐ-CP		
	Tổng số học sinh được phê duyệt		

	CBMGHP		
	Trong đó + Mức MG 100%	58	59
	+ Mức Miễn giảm 50%	23	15
	+ Mức Miễn giảm 70%	52	55
	Tổng số tiền MGCBHP	43.119.500	37.735.000
3	Chính sách Hỗ trợ ăn trưa theo ND 105/2020/ND-CP		
	Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	136	129
	Định mức hỗ trợ	160.000	160.000
	Tổng số tiền thực hiện chi trả:	310.624.000	189.440.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

STT	Tên khoản thu	Số dư Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2023)
1	Dịch vụ ăn bán trú	0	0
2	Dịch vụ trông trưa	0	0
3	Dịch vụ cung cấp nước uống	0	7.500.000
4	Dịch vụ dọn vệ sinh	8.000.000	9.000.000
5	Nguồn VĐTT	22.288.000	29.600.000
	Tổng cộng	30.288.000	41.600.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Nâng cao chất lượng trong nhà trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện nhiệm vụ, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

- Huy động số học sinh ra lớp vượt chỉ tiêu cấp trên giao.

- Trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” ngành giáo dục (Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Điện biên năm học 2024-2025).

- Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quyết định số 127/QĐ-ĐU ngày 20/01/2025 của Đảng Ủy xã Noong Luống; 04 cá nhân được UBND xã tặng giấy khen (Số 92/QĐ-ĐU ngày 02/01/2025 của Đảng Ủy xã Noong Luống).

- Đoàn thanh niên được UBND xã tặng giấy khen (QĐ số 19/QĐ-ĐTN ngày 17/02/2025 của ĐTN xã Noong Luống)

- Có 28/29 cá nhân đạt LĐTĐ (Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các cá nhân ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Điện biên năm học 2024-2025).

- Có 9 cá nhân đạt CSTĐ (Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” cho các cá nhân ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Điện biên năm học 2024-2025). Có 1 cá nhân được UBND huyện tặng giấy khen (Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc khen cho các tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025).

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục hướng dẫn giáo viên thực hiện, khai thác các phần mềm một cách hiệu quả Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

3. Công tác truyền thông

Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội.

Trên đây là báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục mầm non năm học 2024-2025 của trường mầm non xã Noong Luống./.

Nơi nhận:

- CBGV, NV nhà trường;
- Website trường;
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Bén